TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hải Ly
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hằng
Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập *tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 31/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **P T T** , sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn số, xã B , huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông **N T C** , sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn số, xã B , huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà P T T trình bày*:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N T C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã B ngày 23/02/2016.

Thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác biệt về quan điểm sống, ông C thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn quát mắng đánh đập vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ tháng 10/2021 đến nay bà và ông C sống ly thân.

Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N T C .

Về con chung: Bà và ông C có 01 người con chung: N N M , sinh ngày 21/4/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông N T C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã B ngày 23/02/2016, quá trình chung sống ông và bà T có một con chung tên N N M , sinh ngày 21/4/2016. Trong đời sống hôn nhân ông và bà T có phát sinh mâu thuẫn, hiện hai ông bà đã sống ly thân. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn, trường hợp bà T cương quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu nuôi con của bà T ông không có ý kiến gì. Việc cấp dưỡng ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, sau đó phát sinh mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân. Nay, nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Bà P T T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông N T C có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Thôn số, xã B , huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ngày 23/02/2016, đúng theo quy định pháp luật, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà P T T , Hội đồng xét xử thấy: Bà T trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả nhau nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 07/3/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông C, bà T cư trú được biết hai bên thường xuyên cãi nhau và hiện ông C bà T đã sống ly thân. Tại phiên tòa, ông C cũng thừa nhận ông thường xuyên say xỉn, có đánh chửi vợ, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2021 đến nay nhưng không đoàn tụ được với nhau. Từ những căn cứ trên cho thấy hôn nhân giữa ông C, bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà P T T .

Về con chung: Bà và ông C có 01 người con chung là cháu: N N M , sinh ngày 21/4/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con; còn bị đơn ông C không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con. Xét thấy, nhằm bảo đảm quyền lợi, cũng như sự ổn định của con chưa thành niên. Do đó, cần giao con chung là cháu: N N M , sinh ngày 21/4/2016 cho bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà P T T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P T T .

Về quan hệ hôn nhân: Bà P T T được ly hôn ông N T C .

Về việc nuôi con chung: Giao cho bà P T T trực tiếp nuôi con chung là N N M , sinh ngày 21/4/2016 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P T T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006094 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải Ly